TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 10

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 749 đọc là:

A. Chín trăm bốn mươi bảy **B.** Bảy trăm bốn mươi chín

C. Bảy trăm năm mươi chín **D.** Bảy trăm chín mươi tư

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 15 : 3 là:

A. 6 **B.** 5 **C.** 12 **D.** 4

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: ……. : 4 = 5

A. 20 **B.** 9 **C.** 17 **D.** 16

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số lớn là 35, số bé là 7. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 28 lần **B.** 5 lần **C.** 42 lần **D.** 6 lần

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 70 đi 7 lần được:

A. 490 **B.** 11 **C.** 63 **D.** 10

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/3 **B.** 1/7 **C.** 1/9 **D.** 1/6

Câu 7. *(0,5 điểm)* Dụng cụ dùng để đo nhiệt độ là:

A. ca 1 lít **B.** cân **C.** thước kẻ **D.** nhiệt kế

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tròn có bán kính 4 mm. Đường kính của hình tròn đó là:

A. 8 mm **B.** 4 mm **C.** 16 mm **D.** 6 mm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 173 + 184 = ……

b) 718 − 520 = ……

c) 186 × 3 = ……

d) 300 : 6 = ……

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5, 10, ……, 20, 25, ……

b) 427, 477, 527, ……, 627, ……

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 5 × 4 …… 17

b) 1 cm …… 11 mm

c) 2 m 2 cm …… 211 cm

d) 1/3 của 21 …… 1/5 của 35

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/8 của 32 cm là …… cm

b) 1/3 của 21 l là …… l

c) 1/6 của 30 kg là …… kg

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 4 dm = …… dm

b) 5 dm 8 cm = …… cm

c) 7 m = …… cm

d) 4 l = …… ml

Câu 14. *(1 điểm)* Một cửa hàng buổi sáng bán được 219 kg gạo, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 99 kg. Hỏi cả ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Buổi chiều bán được: …… kg

b) Cả ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 10

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	A	B	D	D	D	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 173 + 184 = 357

b) 718 − 520 = 198

c) 186 × 3 = 558

d) 300 : 6 = 50

Câu 10.

a) Đếm thêm 5: 5, 10, 15, 20, 25, 30

b) Mỗi số hơn số trước 50 đơn vị: 427, 477, 527, 577, 627, 677

Câu 11.

a) 5 × 4 = 20 nên điền dấu «>»

b) 1 cm = 10 mm nên điền dấu «<»

c) 2 m 2 cm = 202 cm nên điền dấu «<»

d) 1/3 của 21 là 7; 1/5 của 35 là 7 nên điền dấu «=»

Câu 12.

a) 32 : 8 = 4 (cm)

b) 21 : 3 = 7 (l)

c) 30 : 6 = 5 (kg)

Câu 13.

a) 2 m 4 dm = 24 dm (vì 1 m = 10 dm)

b) 5 dm 8 cm = 58 cm (vì 1 dm = 10 cm)

c) 7 m = 700 cm (vì 1 m = 100 cm)

d) 4 l = 4000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

Câu 14.

Buổi chiều: 219 − 99 = 120 (kg)

Cả ngày: 219 + 120 = 339 (kg)